

sự điều chỉnh chính sách của một số nước Đông Nam Á đối với người Hoa từ sau thập niên 60 của thế kỷ XX

ĐỖ NGỌC TOÀN*

I. KHÁI QUÁT VỀ CHÍNH SÁCH CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á ĐỐI VỚI NGƯỜI HOA NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU SAU KHI GIÀNH ĐỘC LẬP

Sau chiến tranh thế giới lần thứ II, các nước Đông Nam Á lần lượt giành được độc lập từ tay thực dân phương Tây. Cùng với việc chính phủ Trung Quốc chính thức xoá bỏ chính sách “hai quốc tịch”, khuyến khích Hoa kiều hội nhập vào nước sở tại, các nước Đông Nam Á đã đồng loạt thi hành chính sách dân tộc hoá, bản địa hoá từng bộ phận tư bản phương Tây, tư bản người Hoa và Hoa kiều.

Ở *Indônêxia*, năm 1959, chính phủ Xuhácô ban bố Lệnh Tổng thống số 10 hạn chế số người Trung Hoa di cư đến *Indônêxia*. Kết quả là hơn 100.000 người Trung Hoa buộc phải về nước sau đó. Năm 1968, Bộ tư pháp *Indônêxia* qui định mỗi người Hoa gia nhập quốc tịch phải

khai ít nhất là 14 tờ khai và phải nộp lệ phí là 70-250 USD. Tại một số khu vực, lệ phí cao tới 2500 USD⁽²⁾. Về chính sách kinh tế, người Hoa bị coi là “kinh tế tư bản nước ngoài”. Hơn 30 cơ sở kinh tế của người Hoa bị công khai hạn chế và loại bỏ bao gồm các doanh nghiệp nhập khẩu, các hãng xe hơi, ngành xây xát gạo, ngành chế biến gỗ. Đồng thời, Chính phủ *Indônêxia* còn tăng cường giám sát quản lý, hạn chế buôn bán trong nước và ngành bán lẻ của ngoại kiều⁽³⁾. Về chính sách văn hoá giáo dục và đoàn thể xã hội, năm 1952, Chính phủ *Indônêxia* đã ban bố “Điều lệ giám sát nhà trường ngoại kiều”. Nhà trường ngoại kiều phải lấy môn học tiếng *Indônêxia* là môn bắt buộc. Từ năm 1959-1960 đã có 72% trường học của người Hoa bị đình chỉ. Tháng 5-1966, Chính phủ *Indônêxia* lại hạ lệnh đóng cửa toàn bộ 667 trường trung và tiểu học Hoa

* Ths. Đỗ Ngọc Toàn, Viện nghiên cứu Trung Quốc

văn. Đồng thời, Indônêxia còn nghiêm cấm nhập khẩu và phát hành sách Hoa văn, đóng cửa toàn bộ các toà báo Hoa văn (chỉ để một tờ báo của Indônêxia in chữ Hoa), đóng cửa và không cho phép các đoàn thể xã hội người Hoa treo biển hiệu chữ Hoa, buộc người Hoa đổi tên họ Indônêxia, nghiêm cấm giữ lại văn hoá, tập tục Trung Quốc. Ngày 6-12-1967, Chính phủ Indônêxia còn ban bố “Pháp lệnh Tổng thống số 14 về tôn giáo tín ngưỡng và phong tục tập quán của người Hoa”, yêu cầu người Hoa phải thay đổi tôn giáo tín ngưỡng⁽⁴⁾.

Malaixia trước khi thành lập liên bang (1963), đã áp dụng những điều luật rất chặt chẽ, qui định người Hoa xin gia nhập quốc tịch là người nếu sống từ 20 năm trước đó và phải có trên 10 năm sống ở nước sở tại mới có thể được quốc tịch⁽⁵⁾. Khi *Malaixia* giành độc lập năm 1957, Hiến pháp nước này đã nới lỏng điều kiện nhập tịch cho những người khác tộc Malai. Hiến pháp qui định những người ngoại tộc cư trú tại *Malaixia* trên 10 năm, biết tiếng *Malaixia* thì có thể xin trở thành công dân *Malaixia*⁽⁶⁾. Về kinh tế, từ năm 1969, *Malaixia* thúc đẩy việc thực hiện toàn diện chính sách kinh tế mới. Chính sách này qui định quyền sở hữu kinh doanh thuộc về người Malai, dành 30% tài khoản ngân hàng cho người Malai, ngành công thương cũng phải chuyển nhượng 30% quyền điều hành cổ phần cho người Malai. Chính phủ *Malaixia* còn hạn chế người Hoa phát triển nông nghiệp, qui định nhiều khu vực

phải giữ lại đất canh tác nông nghiệp cho người Malai. Trước đây, *Malaixia* có 13 ngân hàng người Hoa, có quan hệ với nhiều nước trên thế giới nhưng đến những năm 70 chỉ còn một vài chi nhánh ngân hàng thuộc một ngân hàng nhỏ của người Hoa. Về văn hoá giáo dục, chính phủ *Malaixia* tăng cường chính sách bản địa hoá giáo dục các trường Hoa. Từ năm 1969, từng bước thực hiện dạy tiếng Malai từ tiểu học lên đại học cho tất cả các trường trong cả nước⁽⁷⁾.

Chính phủ *Philippin* từ 1949 -1975 đã hạn chế Hoa kiều gia nhập quốc tịch *Philippin*. Về kinh tế, *Philippin* thực hiện “người *Philippin* là số một”. Về luật pháp, hạn chế phát triển kinh tế ngoại kiều, chủ yếu là kinh tế người Hoa. Đồng thời, ưu tiên giúp đỡ và bảo vệ lợi ích của người *Philippin* trong lĩnh vực khai thác tài nguyên, kinh doanh công thương nghiệp, tăng cường khả năng cạnh tranh của họ với ngoại kiều⁽⁸⁾. Chẳng hạn như Pháp lệnh số 650 ban bố năm 1951 về “Phương án quản lý nhập khẩu”, không cho ngoại kiều được hưởng quyền phân phối ngoại hối trong buôn bán nhập khẩu. Hoặc trong “Phương án *Philippin* hoá ngành bán lẻ” ban bố ngày 19-6-1954, qui định ngoại kiều không được mở cơ sở buôn bán hàng bán lẻ mới. Tháng 8-1960 *Philippin* lại công bố “Phương án *Philippin* hoá ngành xay sát gạo”, cấm ngoại kiều kinh doanh, tồn trữ, vận tải và tiêu thụ lương thực⁽⁹⁾.

Còn *Thái Lan*, từ năm 1952 -1953, Chính phủ *Thái Lan* đã áp dụng một loạt biện pháp như tăng phí căn cước cư trú

của Hoa kiều lên 400 bạt nhằm cấm hoàn toàn người Trung Hoa nhập cảnh; sửa đổi Luật quốc tịch, hạn chế người Hoa địa phương nhập quốc tịch Thái Lan; sửa Luật đăng lính, cấm người Hoa bản địa gia nhập quân đội. Về kinh tế, từ năm 1949-1960 Thái Lan đã ban bố ba Pháp lệnh hạn chế kinh doanh của người Hoa, giành lại các ngành nghề như xay sát gạo, làm muối, vận tải, gia công chế biến gỗ và 16 chủng loại liên quan đến ngành dịch vụ cho người Thái Lan và thu hẹp phạm vi làm việc của người Hoa. Năm 1951, chính phủ Thái Lan lần lượt thực hiện kinh doanh độc quyền ngành gia công chế biến gỗ, vận tải ô tô và ngành tiêu thụ cá. “Luật thuế mới” ban bố năm 1953 đã đẩy mạnh việc bản địa hoá kinh tế người Hoa và “Luật đất đai” ban bố năm 1954 ra sức hạn chế quyền sử dụng đất của người Hoa. Giữa những năm 60, Thái Lan ban bố Điều lệ “Tổng thương hội”, nhằm hạn chế hoạt động công hội thương nghiệp của người Hoa, thúc đẩy bản địa hoá giới công thương người Hoa. Những năm 70, ban bố “Công báo 281” tăng cường bảo lưu ngành nghề cho người Thái Lan⁽¹⁰⁾.

Ở Việt Nam, theo Hiệp định năm 1955 ký kết giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Lao động Việt Nam, Hoa kiều ở miền Bắc trên cơ sở tự nguyện có thể chuyển thành công dân của Việt Nam. Song ở miền Nam, chính quyền Việt Nam cộng hoà đã cắt đứt mối liên hệ giữa người Hoa với Trung Quốc lục địa để tránh sự can thiệp của họ vào Nam Việt Nam và buộc Hoa kiều phải gia nhập quốc tịch

Nam Việt Nam. Năm 1956, Chính quyền Nam Việt Nam ban bố Pháp lệnh sửa đổi Luật quốc tịch, qui định người Hoa sinh ra ở Việt Nam đều phải nhập quốc tịch Nam Việt Nam mà không được từ chối, đồng thời quy định thời hạn thực hiện trong 6 tháng, nếu kéo dài sẽ bị phạt tiền. Chính quyền Nam Việt Nam còn thực hiện các biện pháp như đóng cửa trường học Hoa văn và cấm các đoàn thể Bang hội và tổ chức chính trị của Hoa kiều và người Hoa hoạt động như “Hội Liên hiệp Hoa kiều yêu nước” (gọi tắt là Ái Liên) vào năm 1956, hay cấm các Bang đồng hương hoạt động vào năm 1960⁽¹¹⁾. Tuy nhiên, mục đích của chính sách trên là mong muốn kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của Hoa kiều và người Hoa, thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập của họ vào xã hội Việt Nam là chủ yếu, do đó những đạo luật mà chính quyền Sài Gòn đưa ra không chống lại hoạt động kinh doanh thương mại của Hoa kiều. Kinh tế người Hoa vẫn tiếp tục phát triển cho đến khi chế độ Sài Gòn sụp đổ vào năm 1975.

Nhìn chung, sự chi phối và kiểm soát của người Hoa trong nhiều ngành kinh tế then chốt ở các nước Đông Nam Á là những nguyên nhân chính tạo ra sự kỳ thị chủng tộc và phản ứng bài Hoa từ phía chính phủ và cư dân bản địa nhiều nước Đông Nam Á trong những thập niên đầu sau khi giành độc lập.

II. SỰ ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOA TỪ NHỮNG NĂM 70 THẾ KỶ XX

Cho đến những năm 70 thế kỷ XX, tình hình quốc tế đang có những thay đổi và chuyển biến to lớn, quan hệ bang giao giữa Trung Quốc - Mỹ, Trung Quốc - Nhật Bản trở nên dịu đi. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Trung Quốc mở rộng quan hệ với Đông Nam Á. Mặt khác, chính phủ các nước Đông Nam Á đã rút ra bài học qua chính sách bài Hoa, nhận thấy chính sách bài Hoa chỉ làm cho nền kinh tế bản địa thêm rối loạn và làm mất đi lực lượng cần phải thu hút để xây dựng kinh tế đất nước. Nhằm đẩy mạnh chiến lược phát triển tự do hoá kinh tế, chính phủ nhiều nước Đông Nam Á đã điều chỉnh chính sách từ phân biệt đối xử sang khuyến khích hợp tác với người Hoa. Chính phủ các nước giảm bớt các thủ tục nhập tịch, xoá bỏ các yếu tố hạn chế sự phát triển của kinh tế người Hoa, đồng thời còn coi người Hoa là một bộ phận trong thực thể quốc gia, cho phép người Hoa tham gia vào công việc của các nước sở tại. Sự điều chỉnh chính sách đối với người Hoa nói trên của chính phủ các nước Đông Nam Á đã tạo quyền bình đẳng, tự chủ, quyền lợi chính trị và kinh tế giữa người Hoa và người bản địa, nâng cao hơn địa vị của bản thân người Hoa trong đời sống xã hội ở các nước sở tại. Thời gian này, cùng với chính sách kinh tế đẩy mạnh xuất khẩu như xoá bỏ bảo hộ thuế quan, khuyến khích xuất khẩu, thu hút vốn nước ngoài của chính phủ nhiều nước Đông Nam Á, rất nhiều Hoa kiều và người Hoa đã thông qua phương thức liên doanh chung vốn và kỹ thuật với doanh nghiệp nước ngoài, trở

thành các doanh nghiệp xuất khẩu và tiêu thụ hàng hoá ra thị trường thế giới, hình thành nên một loạt tập đoàn doanh nghiệp xuất khẩu người Hoa mới. Kể từ lúc này, thực lực kinh tế của người Hoa đã có sự gia tăng ổn định theo sự phát triển kinh tế của các nước sở tại. Theo tính toán sơ bộ, năm 1975, vốn người Hoa của 5 nước Đông Nam Á đạt khoảng 16 tỷ USD⁽¹²⁾. Đời sống người Hoa được cải thiện, các tổ chức hội đoàn người Hoa được khôi phục lại và dần dần phát triển, đồng thời có sự thay đổi khá mạnh mẽ về nội dung và tính chất hoạt động, phù hợp với tình hình thực tế ở trong nước.

Cho đến đầu thập niên 80, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến chuyển sâu sắc. Cùng với xu hướng phát triển của thời đại, làn sóng khu vực hoá và toàn cầu hoá đã diễn ra nhanh chóng, khoảng cách ranh giới giữa các quốc gia bị thu hẹp nhưng phạm vi hoạt động của từng cá nhân, tộc người được mở rộng. Tính khép kín, cục bộ của các bang hội người Hoa đã được thay thế bởi tính liên kết đa phương, rộng mở trong phạm vi khu vực và toàn cầu. Người Hoa mặc dù với tư cách pháp nhân là công dân nước sở tại nhưng quyền lợi của họ không bị khống chế trong phạm vi ranh giới lãnh thổ. Do đó, tính chất khép kín, cục bộ của các tổ chức bang, hội truyền thống của người Hoa trước đây đã bị tính chất liên kết trên cơ sở thân tộc trong xu thế mới phá vỡ, thay thế nó là mối liên kết từ nhiều địa phương trong một nước, một khu vực đã được mở rộng dần ra phạm vi toàn cầu. Cùng với việc

đẩy mạnh nâng cấp cơ cấu ngành sản xuất hiện có, trong đó chú trọng phát triển công nghiệp cơ sở và công nghiệp nặng, chính phủ các nước Đông Nam Á đã đưa ra rất nhiều điều kiện ưu đãi. Đồng thời, áp dụng phương châm nới lỏng quản lý, đẩy mạnh các biện pháp kinh tế tự do hoá, tư hữu hoá như xoá bỏ độc quyền nhập khẩu, hạ thấp thuế xuất khẩu, nới lỏng các khâu quản lý về thị trường, tiền tệ và đầu tư nước ngoài. Do đó, thời gian này, rất nhiều doanh nghiệp người Hoa đã thông qua hình thức sáp nhập, tham gia cổ đông, nhanh chóng mở rộng qui mô vốn và kinh doanh, dần dần phát triển trở thành những Tập đoàn, Công ty xuyên quốc gia người Hoa tầm cỡ có năng lực kinh doanh to lớn. Từ những đặc điểm trên, việc điều chỉnh chính sách đối với người Hoa của mỗi nước Đông Nam Á trong thời gian này mặc dù có đặc điểm và tính chất khác nhau song mục đích thực chất vẫn là thu hút và tận dụng ngày càng nhiều sức mạnh và thực lực kinh tế của người Hoa phục vụ cho lợi ích của chính nước họ. Thông qua một số nước tiêu biểu, có thể tham khảo và tìm hiểu chính sách của các nước Đông Nam Á đối với người Hoa trong giai đoạn này:

- *Philippin*: Thời kỳ Maccốt cầm quyền, kinh doanh của người Hoa đã chuyển từ lĩnh vực thương nghiệp sang công nghiệp, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế của Philippin. Vai trò kinh tế của người Hoa được nâng cao mạnh mẽ, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo và công nghiệp mới. Theo thống kê, kinh doanh

người Hoa từ thập niên 70 của thế kỷ XX đã chiếm 10% trong ngành chế tạo, 80% trong ngành xây xát, 60% trong ngành sản xuất sợi nhân tạo, 50% trong ngành chế biến gỗ và vật liệu xây dựng, 70% trong công nghiệp thuốc lá, mức vốn đầu tư của người Hoa chiếm 36% trong các ngành sản xuất của Philippin⁽¹³⁾. Ngoài ra, ngành xây dựng, ngành thực phẩm và ngành tiền tệ của người Hoa cũng đóng vai trò kinh tế quan trọng ở nước này.

- *Indônêxia*: chính phủ Xuhácô sau khi lên cầm quyền, đã nêu ra "thời đại xây dựng", ban bố một loạt chính sách và pháp lệnh có lợi cho sự sinh tồn và phát triển của người Hoa như "Chính sách cơ bản giải quyết vấn đề người Hoa" (tháng 6-1967), "Luật đầu tư của tư bản nước ngoài" (năm 1967), "Pháp lệnh đầu tư trong nước" (năm 1968). Những chính sách nói trên đã thúc đẩy người Hoa tích cực chuyển từ lĩnh vực thương nghiệp sang đầu tư vào các ngành sản xuất công nghiệp trong nước. Đầu những năm 70 thế kỷ XX, chính phủ Indônêxia đẩy mạnh phát triển công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu. Giữa những năm 70, thế giới lâm vào tình trạng khủng hoảng dầu mỏ, đã đem lại cho Indônêxia nguồn thu nhập lớn. Nhu cầu đối với các ngành sản xuất liên quan đến đời sống nhân dân như dệt, thực phẩm, điện tử, xi măng, phân bón, cao su... gia tăng mạnh mẽ. Đây là cơ hội vàng mở ra cho kinh tế người Hoa. Rất nhiều xí nghiệp người Hoa đã nhanh chóng chuyển từ lĩnh vực thương nghiệp sang ngành chế tạo. Họ hợp tác kinh

doanh với các doanh nghiệp bản địa và xây dựng mối quan hệ hợp tác với xí nghiệp có vốn nước ngoài, tạo cơ sở kinh tế hùng hậu và vững chắc cho nhiều xí nghiệp người Hoa. Chẳng hạn, nhà doanh nghiệp người Hoa nổi tiếng Lâm Thiệu Lương đã kinh doanh trong những ngành công nghiệp chủ yếu như chế biến bột mì, xi măng, dầu ăn và chế tạo ô tô, đạt hiệu quả vô cùng to lớn. Qua 20 năm phát triển, từ chỗ chỉ có 20 tập đoàn vào những năm 70, đến năm 1991, người Hoa đã có tới 167 doanh nghiệp trong 200 doanh nghiệp tư doanh lớn nhất của Indônêxia, doanh nghiệp chiếm 84%⁽¹⁴⁾.

- *Thái Lan*, chính phủ Thái Lan đã có chính sách hữu hiệu để bảo toàn nguồn vốn của người Hoa, thúc đẩy sản xuất kinh doanh trong nước phát triển. Những năm 70, sau khi chính phủ đề ra chính sách công nghiệp hoá đất nước và phương châm thu hút tài nguyên nông nghiệp, sức lao động, vốn nước ngoài, mạng lưới thị trường, mạng lưới kỹ thuật, đã có khá nhiều chủ doanh nghiệp công nghiệp và thương nhân xuất khẩu nông sản người Hoa tích cực chuyển sang công nghiệp chế biến nông sản. Nhiều doanh nghiệp đã từng bước phát triển thành tập đoàn xí nghiệp công nghiệp chế biến nông sản xuất khẩu có qui mô, phạm vi sản xuất rộng lớn và thực lực kinh tế mạnh. Chẳng hạn như tập đoàn sản xuất và kinh doanh nông nghiệp Chính Đại Bốc Phong (Charoen Phokphnd) của gia tộc Tạ Quốc Dân sản xuất thức ăn gia súc và nuôi vịt; tập đoàn Thuận Hoà Thịnh của gia tộc họ

Trần kinh doanh gạo và các sản phẩm cây công nghiệp; tập đoàn Metro của Lưu Cập Thái kinh doanh bột mì, bột sắn và phân bón... Những năm 80, Thái Lan đã có những chính sách tích cực nhằm thu hút nhiều hơn vốn đầu tư nước ngoài và nguồn vốn tư nhân trong nước, đặc biệt là của người Hoa để điều chỉnh và nâng cấp cơ cấu ngành nghề. Đến cuối thập kỷ 80, cơ cấu kinh tế người Hoa có sự chuyển biến mạnh mẽ, chủ yếu đi sâu phát triển các lĩnh vực hoá dầu, gang thép, nhà đất, hàng tiêu dùng, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng như thông tin, năng lượng, giao thông. Các tập đoàn kinh doanh xuyên quốc gia người Hoa đã đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình thực hiện con đường công nghiệp hoá của Thái Lan.

- *Malaisia*: đầu những năm 70, chính phủ chủ trương thực hiện "Chính sách kinh tế mới" nhằm giúp đỡ người Malaia tăng cường thực lực kinh tế, nhanh chóng khống chế và độc quyền các ngành sản xuất quan trọng có ảnh hưởng đến quốc kế dân sinh. Tuy nhiên, do thành phần tư bản bản địa thiếu cân sức về khả năng cạnh tranh với thành phần tư bản người Hoa đã dẫn đến chính sách kinh tế mới của họ phần nhiều bị phá sản, buộc chính phủ nước này phải nhanh chóng điều chỉnh. Năm 1986, Malaixia ban bố "chính sách cân đối công nghiệp (sửa đổi)" và "Luật thúc đẩy đầu tư", mở rộng phạm vi xin đăng ký doanh nghiệp, dành thuế ưu đãi cho các doanh nghiệp xây dựng mới và doanh nghiệp cỡ nhỏ. Năm 1989, Malaixia

thực hiện miễn giảm thuế và cho vay ưu đãi đối với các xí nghiệp có vốn dưới 500.000 Ringit. Chính sách điều chỉnh đã tạo cho các doanh nghiệp của người Hoa những cơ hội phát triển như người Malai. Đồng thời, còn được chính phủ cho vay lãi suất thấp, hoặc cho phép đấu thầu mua lại xí nghiệp quốc doanh trong kế hoạch "tư hữu hoá" của nhà nước. Điều này đã phát huy được sức mạnh kinh tế người Hoa trong kế hoạch phát triển kinh tế trong nước, đưa kinh tế người Hoa, kinh tế của người Malaixia và sự hợp tác liên kết giữa các dân tộc cùng phát triển. Bên cạnh đó, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Chính phủ Malaixia cũng đem lại cơ hội mới cho kinh tế người Hoa. Nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã tìm đến và trở thành bạn hàng hợp tác của doanh nghiệp người Hoa. Ngược lại, nhiều doanh nghiệp người Hoa cũng phát triển khá mạnh do thu hút vốn, kỹ thuật tiên tiến, tiếp thu phương thức quản lý kinh doanh và mạng lưới thị trường. Trong quá trình mở cửa và hội nhập, các tập đoàn doanh nghiệp người Hoa đã nhanh chóng mở rộng về qui mô, đi vào con đường kinh doanh đa nguyên hoá, quốc tế hoá. Theo tư liệu công bố của Chính phủ Malaixia, những công ty có vốn trên 1 tỷ Ringit năm 1985 là 6 công ty, năm 1988 tăng lên 24 công ty. Trong đó, công ty người Hoa cũng tăng từ 6 đến 13, tỷ trọng tăng từ 24,2% lên tới 35,5%, nằm trong số 100 công ty lớn nhất của Malaixia⁽¹⁵⁾. Ngoài ra, từ năm 1991-2000, Chính phủ Malaixia đã đẩy mạnh các

biện pháp như khuyến khích đầu tư, nới lỏng một số lĩnh vực đầu tư dành cho tư nhân (như ngành điện lực), phát triển ngành khoa học kỹ thuật cao, giúp đỡ xây dựng doanh nghiệp hợp tác giữa người Malai, người Hoa và người Ấn Độ... Rất nhiều doanh nghiệp người Hoa đã tranh thủ thời cơ này, nhanh chóng phát triển các ngành chế tạo, trồng trọt, nhà đất, thương nghiệp, dịch vụ khách sạn và vui chơi, giải trí. Một loạt tập đoàn xí nghiệp người Hoa kinh doanh tổng hợp cỡ lớn cũng được thành lập, tạo bước phát triển lớn mạnh cho kinh tế người Hoa. Theo tư liệu của sở giao dịch chứng khoán Kualalampua, tháng 12-1996, trong 620 công ty có mặt trên thị trường chứng khoán, có 310 công ty của người Hoa nắm giữ cổ phiếu, chiếm 50% số công ty và chiếm 47,95% giá trị thị trường vốn⁽¹⁶⁾. Trong đó, nhà doanh nghiệp người Hoa nổi tiếng Quách Hạc Niên và gia tộc của ông có hơn 200 doanh nghiệp và công ty nắm giữ cổ phiếu, phân bố ở 19 quốc gia và khu vực trên thế giới. Chỉ riêng các công ty có mặt trên thị trường hai khu vực Malaixia và Hồng Kông đã có hơn 30.000 nhân viên, phạm vi kinh doanh trải rộng trên các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, nhà đất, nhà hàng, giao thông vận tải, thương nghiệp, buôn bán xuất nhập khẩu, thông tin tuyên truyền, trở thành tập đoàn xuyên quốc gia kinh doanh đa nguyên hoá⁽¹⁷⁾.

Nói tóm lại, nhìn chung, trong tiến trình phát triển của mấy thập niên từ sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc,

với những biến động khắc nghiệt bởi các nhân tố chính trị và kinh tế - xã hội ở từng nước Đông Nam Á và sự tác động từ chính sách đối với người Hoa của chính phủ các nước này, người Hoa đã phải chịu nhiều hạn chế và tổn thất nghiêm trọng. Tuy nhiên, sau khi chính phủ các nước tiến hành điều chỉnh chính sách kinh tế và chính sách đối với người Hoa từ những năm 70 của thế kỷ XX đến nay, không những đã làm xói mòn ranh giới tộc người trong hoạt động kinh tế của người Hoa mà còn đẩy nhanh quá trình liên kết và hoà nhập giữa các dân tộc ở các nước Đông Nam Á, làm thay đổi đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng người Hoa theo chiều hướng có lợi. Người Hoa đã có điều kiện phát huy sức mạnh kinh tế và khẳng định vị thế, vai trò của họ trong quá trình phát triển của khu vực và thế giới, trở thành tâm điểm đáng chú ý của các quốc gia trên toàn cầu. Hơn nữa, sự điều chỉnh căn bản chính sách đối với người Hoa chính là kết quả tất yếu của xu thế quốc tế hoá và tác động tích cực trong quan hệ ngoại giao và kinh tế đối ngoại giữa Trung Quốc với các nước Đông Nam Á. Điều này là một trong những nhân tố tiến bộ thúc đẩy đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng người Hoa trong khu vực ngày càng ổn định và phát triển./.

CHÚ THÍCH

- 1,7, 8,9,10. Phương Kim Anh (2001), *Sự hình thành và phát triển của "Vấn đề người Hoa" Đông Nam Á*. Nxb Thời sự, Bắc Kinh, tr.58, 57, 55, 56 và 55.
2. Leo Suryadinata (1986), *Pribumi Indonesian and Chinese Minority*, 2 nd edition, Heinmann Asia
3. Trần Khánh (1992): *Vai trò người Hoa trong nền kinh tế các nước Đông Nam Á*. Nxb Đà Nẵng, tr.158
4. Trang Quốc Thỏ (2003), *Sự thay đổi địa vị xã hội người Hoa Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ II*, Nxb Đại học Hạ Môn. tr. 210-211
5. Trần Hàn Sinh chủ biên (1983): *Tập sử liệu công nhân người Hoa ra nước ngoài*, Trung Hoa thư cục, quyển I, tr.226-229
6. Lương Anh Minh (2001), *Nghiên cứu về sự thay đổi xã hội người Hoa Đông Nam Á*, NXB Côn Lôn, Bắc Kinh, tr.37
11. Nguyễn Văn Huy (1993), *Người Hoa tại Việt Nam (The Hoa in Viet Nam)*, NXB NBC, Paris. tr.60
12. Quách Lương (1998), *Giản sử kinh tế Hoa kiều, người Hoa Đông Nam Á*, NXB Khoa học kinh tế, Bắc Kinh, tr.152
13. Quách Lương, Lý Quốc Khanh, Kim Vĩnh Huân dịch (1985), *Sự hình thành và phát triển của vốn Hoa kiều*. Nxb Nhân dân Phúc Kiến, tr.214
14. Uông Mộ Hoàn chủ biên (1995), *"Nghiên cứu tập đoàn xí nghiệp người Hoa Đông Nam Á"*. Nxb Đại học Hạ Môn, tr.35
15. Đường Lễ Trí (2004), *Nghiên cứu đầu tư trực tiếp nước ngoài của tập đoàn doanh nghiệp người Hoa Đông Nam Á*, Nxb Đại học Hạ Môn, tr.48-49
16. *"Nam Dương thương báo"* Malaixia ngày 6-1-1997.
17. Vương Vọng Ba (2004), *Nghiên cứu đầu tư của Hoa thương Đông Nam Á vào Trung Quốc Đại lục từ cải cách mở cửa đến nay*, NXB Đại học Hạ Môn, Hạ Môn, tr.29